

Không gửi văn bản giấy

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *626*/SNN-VP

Ninh Bình, ngày *09* tháng 5 năm 2018

V/v Đẩy mạnh triển khai thực hiện
tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết
TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

Kính gửi: Các đơn vị thuộc Sở

Thực hiện Công văn số 42/UBND-VP6 ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh về Đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích.

Căn cứ vào Văn bản số 414/BĐNB-KHKD ngày 18/4/2018 của Bưu điện tỉnh Ninh Bình về việc Đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Phụ lục thỏa thuận hợp tác số 76/TTHT/SNN&PTNTNB-BĐNB ngày 01/5/2018 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình với Bưu điện tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Để việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích được thực hiện đúng, hiệu quả theo các quy định của Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg, góp phần nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính, chuẩn hóa thủ tục hành chính, đẩy nhanh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở:

1. Chỉ đạo cán bộ đầu mối: Tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về chủ trương, lợi ích của dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công. Sau khi có kết quả trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4), yêu cầu cán bộ đầu mối thông báo, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trả kết quả hồ sơ qua đường bưu điện.

Tất cả những hồ sơ khi tiếp nhận và trả kết quả qua đường bưu điện, yêu cầu đơn vị chỉ đạo cán bộ đầu mối nộp về Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT để Sở thông báo cho Bưu điện đến tiếp nhận, chuyển trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định.

2. Giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích:

- Được áp dụng căn cứ theo Quyết định 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.

- Giá cước trên áp dụng kể từ ngày **01/5/2018**

- Giá cước chuyển phát kết quả giải quyết TTHC theo lô số lượng lớn:
Trong trường hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã...; các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh, buôn bán...(gọi tắt là Người sử dụng) về lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Người sử dụng đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính ngay trong lớp tập huấn thì giá cước được áp dụng là: **17.000 đồng/hồ sơ.**

(Gửi kèm Phụ lục thỏa thuận hợp tác số 76/TTHT/SNN&PTNTNB-BĐNB ngày 01/5/2018 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Bình với Bưu điện tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích).

Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai các nội dung trên. Giao Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì theo dõi, đôn đốc tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hàng tháng báo cáo Lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-MC.

TL.GIÁM ĐỐC

CHÁNH VĂN PHÒNG



Ngo Viết Hào

PHỤ LỤC

THỎA THUẬN HỢP TÁC SỐ 229/TTHT/SNN&PTNTNB-BĐNB
(V/v điều chỉnh giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích)
Số: 76 /TTHT/SNN&PTNTNB-BĐNB

Căn cứ Quyết định 337/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích, thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về việc ban hành bảng giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ thỏa thuận hợp tác số 229/TTHT/SNN&PTNT-BĐNB ký ngày 22/05/2017 về việc thực hiện dịch vụ hành chính công tích hợp với hệ thống dịch vụ Bưu điện;

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2018, chúng tôi gồm:

BÊN A: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH NINH BÌNH

Địa chỉ : Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Thành, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại : (0229) 3871174 Fax: (0229) 3875824

Đại diện : Ông Đỗ Văn Miên

Chức vụ : Phó Giám đốc

BÊN B: BƯU ĐIỆN TỈNH NINH BÌNH

Địa chỉ : Đường Trần Hưng Đạo, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại : (0229)3871590 Fax:(0229)3873873

Mã số thuế : 2700347515

Số tài khoản : 3300211.000077 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Bình

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Khánh

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhất trí ký kết bản Phụ lục thỏa thuận hợp tác cung ứng dịch vụ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình với hệ thống dịch vụ Bưu điện theo những điều khoản sau:

Điều 1: Điều chỉnh giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Giá cước tiếp nhận và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được áp dụng căn cứ theo Quyết định 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, như sau:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Giá cước trên áp dụng kể từ ngày **01/5/2018**

Điều 2: Chính sách miễn giảm giá cước

Miễn, giảm cước cho các đối tượng sau:

a. Đối tượng được miễn giá cước gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945.
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

b. Đối tượng được giảm 50% giá cước gồm:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động.
- Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.
- Bệnh binh.
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.
- Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của liệt sĩ.
- Người dân thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Người dân ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Ghi chú: Những đối tượng được miễn giảm cước phải xuất trình và nộp bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm cước.

Điều 3: Giá cước chuyển phát kết quả giải quyết TTHC theo lô số lượng lớn

Trong trường hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã...; các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh, buôn bán...(gọi tắt là Người sử dụng) về lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Người sử dụng đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính ngay trong lớp tập huấn thì giá cước được áp dụng là: **17.000 đồng/hồ sơ**.

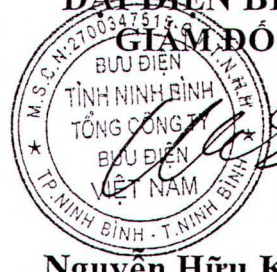
Điều 4: Điều khoản thi hành:

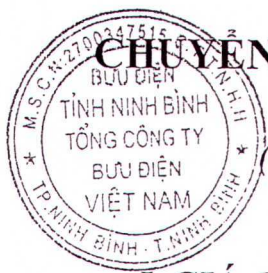
1. Phụ lục Thỏa thuận này là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận hợp tác số 229/TTHT/SNN&PTNTNB-BĐNB.

2. Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2018, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN
TỈNH NINH BÌNH
Đỗ Văn Miên

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 2700347519
BƯU ĐIỆN
TỈNH NINH BÌNH
TỔNG CÔNG TY
BƯU ĐIỆN
VIỆT NAM
TP. NINH BÌNH - T. NINH BÌNH
Nguyễn Hữu Khánh



Phụ lục
BẢNG GIÁ CƯỚC TIẾP NHẬN HỒ SƠ,
CHUYỂN TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Căn cứ theo Quyết định số 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam)

I. GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ: Dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC là đối tượng không chịu thuế GTGT.

1. Giá cước tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính

Mức cước (đồng)				
Nội tỉnh		Liên tỉnh		
Nội huyện/TP	Liên huyện/TP	Nội vùng	Vùng 1, vùng 3, đến vùng 2 và ngược lại	Vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại
26 000	30 000	30 500	31 000	31 500

2. Giá cước chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Mức cước (đồng)				
Nội tỉnh		Liên tỉnh		
Nội huyện/TP	Liên huyện/TP	Nội vùng	Vùng 1, vùng 3, đến vùng 2 và ngược lại	Vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại
26 000	30 000	30 500	31 000	31 500

3. Giá cước trọn gói cho 02 chiều chuyển phát (cả chiều nhận và trả đã chiết khấu 5% so với giá cước công bố)

Mức cước (đồng)				
Nội tỉnh		Liên tỉnh		
Nội huyện/TP	Liên huyện/TP	Nội vùng	Vùng 1, vùng 3, đến vùng 2 và ngược lại	Vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại
50 000	57 000	58 000	59 000	60 000

Ghi chú: Giá cước trên đã bao gồm cước hoàn trả các giấy tờ đã thu hồi (nếu có)

II. GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ KHÁC

TT	Loại dịch vụ	Mức cước đã bao gồm VAT (đồng)
1	Chuyển nộp lệ phí	
	Dưới 500 000 đồng	8 000
	Từ 500 000 đồng đến 2 000 000 đồng	20 000
	Trên 2 000 000 đồng	1% số tiền thu hộ
2	Dịch vụ báo phát	5 000 đồng/hồ sơ, kết quả

III. VÙNG TÍNH CƯỚC

- Cước nội thành/thị/huyện: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi trong cùng một thành/thị/huyện trực thuộc tỉnh.

- Cước liên huyện/thị/thành phố: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi giữa các huyện/thị/thành phố trực thuộc tỉnh.

- Cước nội vùng: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi giữa các tỉnh, thành phố trong cùng một vùng.

- Cước vùng 1, vùng 3 đến vùng 2 và ngược lại: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi giữa các tỉnh, thành phố thuộc vùng 1, vùng 3 đến các tỉnh, thành phố thuộc vùng 2 và ngược lại.

- Cước vùng 1 đến vùng 3 và ngược lại: Áp dụng đối với các hồ sơ, kết quả được gửi giữa các tỉnh, thành phố thuộc vùng 1 đến các tỉnh, thành phố thuộc vùng 3 và ngược lại.

Trong đó:

Vùng 1 gồm 29 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Vùng 2 gồm 11 tỉnh : Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Vùng 3 gồm 23 tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, TP. HCM, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau./.